

KẾ HOẠCH
Kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2019

Căn cứ Kế hoạch số 6152/KH-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá tình hình và kết quả triển khai công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2019 (tính đến thời điểm kiểm tra), nhằm phát hiện những mô hình, cách làm hay để nêu gương, nhân rộng, đồng thời giải quyết khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp khắc phục hạn chế, yếu kém trong công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị được kiểm tra;

- Kịp thời đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác CCHC, đề xuất những vấn đề cần quan tâm trong chỉ đạo, điều hành; kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền để nâng cao chất lượng công tác CCHC của tỉnh;

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ về trách nhiệm người đứng đầu của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác CCHC; trách nhiệm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức.

2. Yêu cầu

- Việc kiểm tra phải thực hiện đúng quy định, nghiêm túc, khách quan, chính xác, không gây trở ngại đến hoạt động của các đơn vị được kiểm tra;

- Kết hợp giữa làm việc, trao đổi với khảo sát thực tế; đánh giá, kết luận kiểm tra phải phản ánh đúng thực tế về công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị.

- Kết quả kiểm tra phải được tổng hợp báo cáo theo quy định; các kiến nghị của Đoàn kiểm tra phải được cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc và có báo cáo kết quả khắc phục. Trường hợp cần thiết có thể thực hiện phúc tra đối với cơ quan, đơn vị.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

Kiểm tra 07 nội dung của công tác CCHC, cụ thể:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành về CCHC.
2. Về cải cách thể chế.
3. Về cải cách thủ tục hành chính.
4. Về cải cách tổ chức bộ máy.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách chế độ công vụ, công chức.
6. Về cải cách tài chính công.
7. Về hiện đại hóa nền hành chính.

(Có 3 Đề cương hướng dẫn nội dung báo cáo kèm theo kế hoạch này)

III. THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA

Thời gian: Từ ngày 30/5/2019 đến ngày 28/8/2019. Buổi sáng bắt đầu từ 7 giờ 30 phút; buổi chiều bắt đầu từ 13 giờ 30 phút.

Kế hoạch kiểm tra chia làm 2 đợt, cụ thể:

1. Đợt 1: Từ ngày 30 tháng 5 đến ngày 10 tháng 6 năm 2019

- Ngày 30/5/2019:

+ Sáng: UBND Phường 2, thành phố Bến Tre;

+ Chiều: UBND thành phố Bến Tre.

- Ngày 06/06/2019:

+ Sáng: UBND xã Hưng Khánh Trung A, huyện Mỏ Cày Bắc;

+ Chiều: UBND huyện Mỏ Cày Bắc.

- Ngày 19/6/2019:

+ Sáng: UBND xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành;

+ Chiều: UBND huyện Châu Thành.

2. Đợt 2: Từ ngày 08 tháng 8 đến ngày 28 tháng 8 năm 2019

- Ngày 08/8/2019:

+ Sáng: Sở Tài chính;

+ Chiều: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Ngày 22/8/2019:

+ Sáng: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội;

+ Chiều: Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Ngày 28/8/2019: Sáng: Thanh tra tỉnh.

Ngoài ra, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Đoàn kiểm tra thực hiện phúc tra công tác CCHC đối với một số đơn vị đã được kiểm tra trong năm 2018 và kiểm tra đột xuất đối với các cơ quan, đơn vị khi có phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân, hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

IV. THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA

1. Thành phần của tỉnh

- Đại diện các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh;

- Mời đại diện Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ban Pháp chế HĐND tỉnh;

- Đại diện Báo Đồng Khởi, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;

2. Thành phần dự làm việc của cơ quan, đơn vị được kiểm tra

a) *Đối với các sở, ngành tỉnh:* Đại diện Ban Giám đốc; đại diện các phòng, ban chuyên môn; công chức phụ trách CCHC của cơ quan, đơn vị; công chức phụ trách Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

b) *Đối với UBND cấp huyện:* Đại diện thường trực HĐND, UBND cấp huyện; đại diện lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện và các phòng, ban chuyên môn; đại diện lãnh đạo và công chức chuyên trách CCHC của Phòng Nội vụ cấp huyện, công chức phụ trách Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

c) *Đối với UBND cấp xã:* Đại diện Đảng ủy, thường trực HĐND, UBND cấp xã; công chức chuyên môn; công chức phụ trách Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

3. Nhiệm vụ của các thành viên Đoàn kiểm tra

Theo chức năng, nhiệm vụ và theo sự phân công của Trưởng đoàn, tiến hành kiểm tra 07 nội dung theo kế hoạch. Trong quá trình kiểm tra, các thành viên quan tâm đến những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân, những đề xuất của cơ quan, đơn vị được kiểm tra, đề hướng dẫn, giải đáp kịp thời theo thẩm quyền.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Đoàn Kiểm tra công tác CCHC của tỉnh và triển khai thực hiện theo kế hoạch. Xây dựng thông báo kết quả kiểm tra, gửi đến cơ quan, đơn vị được kiểm tra và báo cáo UBND tỉnh sau khi kết thúc mỗi đợt kiểm tra.

2. Các cơ quan, đơn vị được kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo đầy đủ các nội dung theo đề cương hướng dẫn, gửi về Sở Nội vụ trước 07 ngày khi đoàn kiểm tra đến làm việc và cung cấp các tài liệu, thông tin có liên quan theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra, để phục vụ cho quá trình kiểm tra được thuận lợi.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2019 của UBND tỉnh. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện.

Kế hoạch này thay cho thông báo lịch kiểm tra./.

Nơi nhận:

- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Chánh, các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Các đơn vị được kiểm tra;
- Báo Đồng Khởi, Đài PTTH tỉnh;
- Phòng KSTT (HCT), HC-TC;
- Cổng Thông tin điện tử;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Lập



Phụ lục I
Chiến lược cải cách hành chính của sở, ban, ngành tỉnh
(Kèm theo Quyết định số 2112 /KH-UBND ngày 15/5/2019 của UBND tỉnh)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

- Việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch CCHC hàng năm.
- Phân công lãnh đạo, công chức phụ trách công tác CCHC.
- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về CCHC.
- Khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan thông qua chất lượng các dịch vụ công được cung cấp.
- Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC.
- Các sáng kiến CCHC đã và đang áp dụng tại cơ quan, đơn vị (nếu có).
- Công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ CCHC.
- Công tác tuyên truyền CCHC tại cơ quan, đơn vị.
- Việc thực hiện công tác dân vận trong hệ thống chính quyền.
- Kết quả thực hiện Bản Cam kết về thực hiện các giải pháp duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX giai đoạn 2018-2020

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Công tác tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực quản lý. Chất lượng các văn bản hành chính thông thường do cơ quan, đơn vị ban hành.
- Việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý.
- Tình hình triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan, đơn vị.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Việc ban hành và triển khai thực hiện các kế hoạch liên quan đến hoạt động kiểm soát TTHC. Kết quả thực hiện.
- Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.
- Việc cập nhật, công khai TTHC.
- Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong công tác cải cách TTHC.
- Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:
 - + Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông, thuộc lĩnh vực nào.

+ Mức độ đạt yêu cầu về diện tích, cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị.

+ Kết quả giải quyết TTHC tại cơ quan, đơn vị (tính từ tháng 01/2019 đến thời điểm được kiểm tra).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước

- Việc triển khai thực hiện các quy định của cấp trên về tổ chức bộ máy.
- Mức độ chông chéo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị với đơn vị khác.
- Việc thực hiện các quy định về phân cấp quản lý theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 10/12/2017 của UBND tỉnh và Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND.
- Tình hình triển khai thực hiện các quy chế tại cơ quan, đơn vị (Quy chế làm việc, Quy chế văn hóa công sở, Quy chế dân chủ,...).
- Về quản lý, sử dụng biên chế trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc; việc kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị này (nếu có).

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức

- Việc thực hiện cải cách chế độ công vụ, công chức tại cơ quan, đơn vị.
- Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm.
- Thực trạng về chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của đơn vị.
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị.
- Thực hiện các quy định về quản lý công chức, viên chức; công tác tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc.
- Kết quả đánh giá công chức, viên chức.

- Việc thực hiện Chỉ thị số 05/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao hiệu quả sử dụng thời giờ làm việc của CBCCVN nhà nước; Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành Quy tắc ứng xử của CBCCVN làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương; Chỉ thị số 02/CT-UBND tỉnh ngày 05/3/2019 về việc nâng cao hiệu quả sử dụng thời giờ làm việc, không uống rượu, bia trong giờ làm việc đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

5. Cải cách tài chính công

Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị nghiệp công lập theo quy định hiện hành. Đánh giá kết quả thực hiện.

Việc quản lý, sử dụng tài sản công, công khai chi tiêu nội bộ theo định kỳ.

6. Hiện đại hóa nền hành chính

- Tình hình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị.

- Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở các mức độ 3, mức độ 4 (nếu có).

- Tình hình triển khai áp dụng ISO tại cơ quan, đơn vị.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị được trang bị tại cơ quan, đơn vị.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN TỚI

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (nếu có)

Lưu ý: Trong quá trình làm việc, để làm rõ hơn về một nội dung nào đó liên quan đến công tác CCHC, các thành viên của đoàn kiểm tra có thể yêu cầu đơn vị được kiểm tra cung cấp thêm thông tin có liên quan.



Phụ lục II

Đề cương và báo cáo cải cách hành chính của huyện, thành phố
(Kèm theo Quyết định số 2112 /KH-UBND ngày 21 / 5 /2019 của UBND tỉnh)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

- Việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch CCHC hàng năm.
- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về CCHC.
- Việc khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.
- Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC.
- Các sáng kiến CCHC đã và đang áp dụng tại đơn vị (nếu có).
- Công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC.
- Công tác tuyên truyền CCHC tại đơn vị.
- Việc tổ chức sơ kết, tổng kết công tác CCHC hàng năm.
- Việc thực hiện công tác dân vận trong hệ thống chính quyền.
- Kết quả thực hiện Bản Cam kết về thực hiện các giải pháp duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX giai đoạn 2018-2020

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Kết quả và chất lượng các văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành. Đánh giá chất lượng các văn bản hành chính thông thường do các phòng chuyên môn cấp huyện ban hành/tham mưu ban hành.
- Việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành; kết quả xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát.
- Tình hình triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương (mức độ đầy đủ, kịp thời và đúng quy định).

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Việc ban hành và triển khai thực hiện các kế hoạch liên quan đến hoạt động kiểm soát TTHC. Kết quả thực hiện.
- Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.
- Việc cập nhật, công khai TTHC.
- Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính trong công tác cải cách TTHC.
- Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

+ Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông, thuộc lĩnh vực nào (Cần nêu cụ thể).

+ Diện tích, cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bộ phận một cửa.

+ Kết quả giải quyết TTHC tại đơn vị (tính từ tháng 01/2019 đến thời điểm được kiểm tra).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước

- Việc triển khai thực hiện các quy định của cấp trên về tổ chức bộ máy.

- Việc thực hiện các quy định về phân cấp quản lý theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 10/12/2017 của UBND tỉnh và Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 10/02/2017.

- Tình hình triển khai thực hiện các quy chế tại cơ quan, đơn vị (Quy chế làm việc, Quy chế văn hóa công sở, Quy chế dân chủ,...).

- Về quản lý, sử dụng biên chế trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; việc kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị này.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC

- Việc thực hiện cải cách chế độ công vụ, công chức tại đơn vị.

- Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

- Thực trạng về chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của đơn vị; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện các quy định về quản lý công chức, viên chức; công tác tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

- Kết quả đánh giá công chức, viên chức.

- Việc thực hiện Chỉ thị số 05/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao hiệu quả sử dụng thời giờ làm việc của CBCCVC nhà nước; Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành Quy tắc ứng xử của CBCCVC làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương; Chỉ thị số 02/CT-UBND tỉnh ngày 05/3/2019 về việc nâng cao hiệu quả sử dụng thời giờ làm việc, không uống rượu, bia trong giờ làm việc đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

5. Cải cách tài chính công

Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị nghiệp công lập theo quy định hiện hành. Đánh giá kết quả thực hiện.

Việc quản lý, sử dụng tài sản công, công khai chi tiêu nội bộ theo định kỳ.

6. Hiện đại hóa nền hành chính

- Tình hình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị.

- Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở các mức độ 3, mức độ 4 (nếu có).

- Tình hình triển khai áp dụng ISO tại đơn vị.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị được trang bị tại cơ quan, đơn vị.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC THỜI GIAN TỚI

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (nếu có)

Lưu ý: Trong quá trình làm việc, để làm rõ hơn về một nội dung nào đó liên quan đến công tác CCHC, các thành viên của đoàn kiểm tra có thể yêu cầu đơn vị được kiểm tra cung cấp thêm thông tin có liên quan.



Phụ lục III

Đề cương Bộ chỉ đạo cải cách hành chính của xã, phường, thị trấn
(Kèm theo Quyết định số 12 /KH-UBND ngày 21 / 5 /2019 của UBND tỉnh)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

- Việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch CCHC hàng năm.
- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về CCHC.
- Việc khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của UBND cấp xã thông qua chất lượng các dịch vụ công được cung cấp.
- Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC.
- Các sáng kiến CCHC đã và đang áp dụng tại đơn vị (nếu có).
- Công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC.
- Việc thực hiện công tác tuyên truyền CCHC tại đơn vị.
- Việc tổ chức sơ kết, tổng kết công tác CCHC hàng năm.
- Việc thực hiện công tác dân vận trong hệ thống chính quyền.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Đánh giá chất lượng các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hành chính thông thường do địa phương ban hành.
- Việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành; kết quả xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát.
- Tình hình triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương (mức độ đầy đủ, kịp thời và đúng quy định).

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Việc ban hành và triển khai thực hiện các kế hoạch liên quan đến hoạt động kiểm soát TTHC. Kết quả thực hiện.
- Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.
- Việc cập nhật, công khai TTHC.
- Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính trong công tác cải cách TTHC.
 - Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:
 - + Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông, thuộc lĩnh vực nào (Cần nêu cụ thể).
 - + Diện tích, cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bộ phận một cửa.
 - + Kết quả giải quyết TTHC tại đơn vị (tính từ tháng 01/2019 đến thời điểm được kiểm tra).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước

- Tình hình thực hiện Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 17/01/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định số lượng, chức vụ, chức danh, chế độ

chính sách đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; áp khu phố trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 20/7/2016; Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 03/8/2012 và Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 23/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND.

- Tình hình triển khai thực hiện các quy chế tại đơn vị (Quy chế làm việc, Quy chế văn hóa công sở, Quy chế dân chủ,...).

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

- Việc thực hiện cải cách chế độ công vụ, công chức tại đơn vị.
- Thực trạng về chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách.
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tại đơn vị.
- Kết quả đánh giá cán bộ, công chức.

- Việc thực hiện Chỉ thị số 05/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao hiệu quả sử dụng thời giờ làm việc của CBCCVN nhà nước; Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành Quy tắc ứng xử của CBCCVN làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương; Chỉ thị số 02/CT-UBND tỉnh ngày 05/3/2019 về việc nâng cao hiệu quả sử dụng thời giờ làm việc, không uống rượu, bia trong giờ làm việc đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

5. Cải cách tài chính công

Kết quả sử dụng ngân sách; việc khai thác các nguồn thu trên địa bàn (nếu có). Việc quản lý, sử dụng tài sản công, công khai chi tiêu nội bộ theo định kỳ.

6. Hiện đại hóa nền hành chính

- Tình hình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị.
- Tình hình triển khai áp dụng ISO tại đơn vị.
- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị được trang bị tại cơ quan, đơn vị.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN TỚI

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (nếu có)

Lưu ý: Trong quá trình làm việc, để làm rõ hơn về một nội dung nào đó liên quan đến công tác CCHC, các thành viên của đoàn kiểm tra có thể yêu cầu đơn vị được kiểm tra cung cấp thêm thông tin có liên quan.